

Số: /TB-UBND

Kiến Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính tháng 8 năm 2026

Thực hiện Quyết định số 5049/QĐ-UBND, ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Bộ tiêu chí, Bảng thang điểm và quy trình xét công nhận "Chính quyền thân thiện" cấp xã trên địa bàn thành phố;

Ủy ban nhân dân xã thông báo công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính tháng 8/2026 tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh, cụ thể như sau:

1. Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 818

- Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ: 790
- Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua: 28
- Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 790/790 đạt 100%

2. Số hồ sơ đã giải quyết: 787

- Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 787
- Số hồ sơ giải quyết quá hạn: 0
- Số hồ sơ từ chối không giải quyết: 0
- Số hồ sơ rút: 0
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn: 787/787 đạt 100%

3. Số hồ sơ đang giải quyết: 31

- Số hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 31
- Hồ sơ yêu cầu bổ sung: 0
- Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn: 0

(có biểu tổng hợp kèm theo)

UBND xã Kiến Minh thông báo và niêm yết công khai trên Cổng thông tin điện tử của xã để các tổ chức và Nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- TTĐU, TTHĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Trung tâm DVSNC;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thúy Hà

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÁNG 8/2026

(Gửi kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày / 9 /2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh)

STT	Thủ tục hành chính	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết						Số lượng hồ sơ đang giải quyết			
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Từ chối, không giải quyết	Hồ sơ rút	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	Yêu cầu bổ sung
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính											
1.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	118	118	0	0	118	118	0	0	0	0	0	0	0	0
2.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	265	265	0	0	265	265	0	0	0	0	0	0	0	0
3.	Chứng thực di chúc	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
4.	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản	77	77	0	0	77	77	0	0	0	0	0	0	0	0

	là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở														
5.	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	33	33	0	0	33	33	0	0	0	0	0	0	0	0
6.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	17	17	0	0	17	17	0	0	0	0	0	0	0	0
7.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	19	19	0	0	19	19	0	0	0	0	0	0	0	0
8.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	99	99	0	0	99	99	0	0	0	0	0	0	0	0
9.	Thủ tục đăng ký kết hôn	10	10	0	0	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0
10.	Thủ tục đăng ký khai tử	11	11	0	0	11	11	0	0	0	0	0	0	0	0
11.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
12.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
13.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	11	11	0	0	11	11	0	0	0	0	0	0	0	0

14.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
15.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
16.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	11	11	0	0	11	11	0	0	0	0	0	0	0	0
17.	Thủ tục đăng ký khai sinh	16	16	0	0	16	16	0	0	0	0	0	0	0	0
18.	Lĩnh vực đất đai	61	37	0	24	30	30	0	0	0	0	31	31	0	0
19.	Đăng ký kinh doanh	48	48	0	0	48	48	0	0	0	0	0	0	0	0
20.	Bảo trợ xã hội	8	8	0	0	8	8	0	0	0	0	0	0	0	0
21.	Cấp phép xây dựng	9	5	0	4	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		818	790	0	28	787	787	0	0	0	0	31	31	0	0